

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI THEO THÔNG TƯ SỐ 25/2024/TT-BTNMT VÀ THÔNG TƯ SỐ 35/2017/TT-BTNMT THÀNH PHỐ HUẾ

I. Nội dung định mức lao động xây dựng CSDL địa chính

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận				I	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận				
I.1	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp đã đăng ký cấp GCN (Không bao gồm nội dung xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền và quét giấy tờ pháp lý, xử lý tập tin). Bảng số 01				I.1	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp đã đăng ký cấp GCN (Không bao gồm nội dung xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền và quét giấy tờ pháp lý, xử lý tập tin)				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL địa chính trên địa bàn thi công	Thửa	Nhóm 2 (1KTV2 +1KS4)	0.001	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thi công	Thửa	Nhóm 2 (1KTV2 +1KS4)	0.001	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL địa chính	Thừa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	0.001	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Thừa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	0.0005	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm đi. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm đi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, định mức công sau khi tính toán là: 0.0005
					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL địa chính	Thừa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	0.0005	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm đi. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm đi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, định mức công sau khi tính toán là: 0.0005
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Thừa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS3)	0.0038	2	Thu thập tài liệu, dữ liệu				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
					2.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	Thửa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS3)	0.0038	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					2.2	Lập biểu tổng hợp tài liệu thu thập	Thửa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS3)	0.0038	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "2.1.Thu thập tài liệu, dữ liệu thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính"

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
					2.3	Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.	Thửa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS3)	0.0038	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "2.1.Thu thập tài liệu, dữ liệu thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính"
3	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu				3	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu				
3.1	Rà soát, đánh giá tài liệu, dữ liệu; lập báo cáo kết quả thực hiện	Thửa	1KS3	0.0054	3.1	Rà soát, đánh giá tài liệu, dữ liệu; lập báo cáo kết quả thực hiện	Thửa	1KS3	0.0054	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
3.2	Phân loại thửa đất; lập biểu tổng hợp	Thửa	1KS3	0.0063	3.2	Phân loại thửa đất	Thửa	1KS3	0.0063	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					3.3	Lập danh sách và chuyển cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với các thửa đất chưa thực hiện đăng ký đất đai	Thửa	1KS3	0.0063	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "3.2. Phân loại thửa đất"
					3.4	Lập bảng thống kê phân loại thửa đất	Thửa	1KS3	0.0063	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "3.2. Phân loại thửa đất"
3.3	Làm sạch, sắp xếp và đánh số thứ tự theo quy định về hồ sơ địa chính đối với Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất	Thửa	Nhóm 2 (1KTV1 +1KS3)	0.0068						Trong Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT không thực hiện nội dung này
4	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính				4	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính				
4.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính				4.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính				
4.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian địa chính với nội dung tương ứng trong bản đồ địa chính để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ địa chính	Thửa	1KS3	0.0013	4.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian địa chính với nội dung tương ứng trong bản đồ địa chính để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ địa chính	Thửa	1KS3	0.0013	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về CSDL đất đai	Thửa	1KS3	0.0068	4.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về CSDL đất đai	Thửa	1KS3	0.0068	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định kỹ thuật về CSDL đất đai	Thửa	1KS3	0.0125	4.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định kỹ thuật về CSDL đất đai	Thửa	1KS3	0.0125	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	1KS3	0.0015	4.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	1KS3	0.0015	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
4.3	Đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính				4.3	Đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính				
4.3.1	Chuyển đổi bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 vào dữ liệu không gian địa chính	Thửa	1KS3	0.025	4.3.1	Chuyển đổi bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 vào dữ liệu không gian địa chính	Thửa	1KS3	0.025	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.3.2	Chuyển đổi vào dữ liệu không gian địa chính và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền sơ đồ, bản trích đo địa chính chưa theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 hoặc bản đồ giải thửa dạng số	Thửa	1KS3	0.05	4.3.2	Chuyển đổi vào dữ liệu không gian địa chính và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền sơ đồ, bản trích đo địa chính chưa theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 hoặc bản đồ giải thửa dạng số	Thửa	1KS3	0.05	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
4.3.3	Quét và định vị sơ bộ trên dữ liệu không gian đất đai nền sơ đồ, bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ giả định hoặc bản đồ giải thửa dạng giấy	Thửa	1KS3	0.025	4.3.3	Quét và định vị sơ bộ trên dữ liệu không gian đất đai nền sơ đồ, bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ giả định hoặc bản đồ giải thửa dạng giấy	Thửa	1KS3	0.025	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.4	Định vị khu vực dồn điền đổi thửa trên dữ liệu không gian đất đai nền trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu hiện có	Thửa	1KS3	0.025						Trong Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT không thực hiện nội dung này
5	Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính				5	Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính				
5.1	Kiểm tra tính đầy đủ thông tin của thửa đất, lựa chọn tài liệu theo thứ tự ưu tiên	Thửa	1KS3	0.01	5.1	Kiểm tra tính đầy đủ thông tin của thửa đất, lựa chọn tài liệu theo thứ tự ưu tiên	Thửa	1KS3	0.01	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.2	Lập bảng tham chiếu số thửa cũ và số thửa mới đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận	Thửa	1KS3	0.005	5.2	Lập bảng tham chiếu số thửa cũ và số thửa mới đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận	Thửa	1KS3	0.005	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.3	Nhập thông tin từ tài liệu đã lựa chọn. Cụ thể theo từng loại thửa đất như sau:	Thửa	1KS3	0.1095	5.3	Nhập thông tin từ tài liệu đã lựa chọn. Cụ thể theo từng loại thửa đất như sau:	Thửa	1KS3	0.1095	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
5.3.1	Loại I: Thửa đất loại A (đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất; K=1)	Thửa		0.1095	5.3.1	Loại I: Thửa đất loại A (đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất; K=1)	Thửa	1KS3	0.1095	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.3.2	Loại II: Thửa đất loại B (đã được cấp Giấy chứng nhận và có tài sản gắn liền với đất); Thửa đất loại D (Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp đã được cấp GCN; K=1,2)	Thửa		0.1314	5.3.2	Loại II: Thửa đất loại B (đã được cấp Giấy chứng nhận và có tài sản gắn liền với đất); Thửa đất loại D (Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp đã được cấp GCN; K=1,2)	Thửa	1KS3	0.1314	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.3.3	Loại III: Thửa đất loại C (Giấy chứng nhận cấp chung cho nhiều thửa đất; K=0,5)	Thửa		0.05475	5.3.3	Loại III: Thửa đất loại C (Giấy chứng nhận cấp chung cho nhiều thửa đất; K=0,5)	Thửa	1KS3	0.05475	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.3.4	<i>Loại IV: Thửa đất loại E (chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận; K=0,5)</i>	<i>Thửa</i>		<i>0.05475</i>	5.3.4	<i>Loại IV: Thửa đất loại E (thửa đất đã đăng ký đất đai nhưng chưa hoặc không được cấp Giấy chứng nhận; K=0,5)</i>	<i>Thửa</i>	1KS3	<i>0.05475</i>	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					5.3.5	<i>Loại V: Thửa đất loại G (thửa đất đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận nhưng không thu thập được tài liệu theo yêu cầu để xây dựng cơ sở dữ liệu; K=0,5)</i>	<i>Thửa</i>	1KS3	<i>0.05475</i>	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "5.3.4. Loại IV: Thửa đất loại E (thửa đất đã

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										đăng ký đất đai nhưng chưa hoặc không được cấp Giấy chứng nhận; K=0,5)"
					5.3.6	Loại VI: Thừa đất loại H (thừa đất chưa đăng ký đất đai; K=0,2)	Thừa	1KS3	0.0219	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công thực hiện nội dung nhập thông tin thừa đất loại H chỉ bằng 20% định mức công khi nhập thông tin thừa đất loại A. Do đó, định mức công khi nhập thừa đất loại H là: 0.0219 công

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
					5.4	Lập bảng thông tin chưa đồng bộ giữa dữ liệu thuộc tính địa chính và dữ liệu không gian của cơ sở dữ liệu địa chính	Thửa	1KS3	0.005	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "5.2. Lập bảng tham chiếu số tờ, số thửa và diện tích đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận theo bản đồ địa chính mới"
6	Hoàn thiện dữ liệu địa chính				6	Hoàn thiện dữ liệu địa chính				
6.1	Hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL	Thửa	1KS3	0.01	6.1	Hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL	Thửa	1KS3	0.01	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
6.2	Xuất sổ địa chính (điện tử) theo khuôn dạng tệp tin PDF	Thửa	1KS3	0.0025	6.2	Thực hiện xuất sổ địa chính theo định dạng tệp tin PDF.	Thửa	1KS3	0.0025	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
7	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính				7	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính				
7.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính	Thửa	1KS2	0.0038	7.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính	Thửa	1KS2	0.0038	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
7.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	1KS1	0.0001	7.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	1KS1	0.0001	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
8	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)				8	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)				
8.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong CSDL với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng CSDL	Thửa	1KS1	0.0075	8.1	Đối soát thông tin của tất cả các thửa đất trong cơ sở dữ liệu đất đai với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu.	Thửa	1KS1	0.0075	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo định kỳ hàng tháng, theo công đoạn công trình và khi kết thúc công trình. Lập biên bản bàn giao dữ liệu địa chính	Thửa	1KTV4	0.0023						Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức
1.2	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền - Bảng số 02				1.2	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền				
1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền				1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền				
1.1	Xử lý biên theo quy định về bản đồ đối với các tài liệu bản đồ tiếp giáp nhau	Xã	1KS3	5	1.1	Xử lý biên theo quy định về bản đồ đối với các tài liệu bản đồ tiếp giáp nhau	Xã	1KS3	5	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.2	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	1KS3	12	1.2	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	1KS3	12	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL	Xã	1KS3	3	1.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL	Xã	1KS3	3	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.4	Xây dựng, bổ sung lớp tìm đường cho lớp giao thông dạng vùng đối với trường hợp trên bản đồ địa chính chưa có lớp tìm đường theo phân cấp đường giao thông. Lớp tìm đường được xác định là đường trung tâm (center line) của đối tượng đường giao thông;	Xã	1KS3	10	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "1.4.Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										<i>đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã"</i>
1.4	Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã	Xã	1KS3	10	1.5	Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã	Xã	1KS3	10	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền				2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền				
2.1	Xử lý tiếp biên dữ liệu không gian đất đai nền giữa các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện liền kề	Xã	1KS3	12	2.1	Xử lý tiếp biên dữ liệu không gian đất đai nền giữa các đơn vị hành chính cấp xã liền kề	Xã	1KS3	12	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	1KS3	5	2.2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào cơ sở dữ liệu đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.	Xã	1KS3	5	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
I.3	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin - Bảng số 03				I.3	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính				
1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất				1	Quét các giấy tờ pháp lý và tài liệu kèm theo (bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) nhằm xác thực thông tin của thửa đất				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang	1KS1	0.004	2	Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh	Trang	1KS1	0.004	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	1KS1	0.01	3	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với thửa đất trong cơ sở dữ liệu.	Thửa	1KS1	0.0101	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới, được hình thành bởi 2 nội dung: - Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc; - Tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với thửa đất trong cơ sở dữ liệu. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì: - Nội dung công việc: Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc có Định mức công tương đương với nội dung công việc tại bước 7.2. Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã - Nội dung công việc: Tạo liên kết dữ

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										<p>liệu đất đai phi cấu trúc với thửa đất trong cơ sở dữ liệu có định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT.</p> <p>Như vậy định mức công của nội dung công việc trên là: 0.0101</p>
					4	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Thửa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS3)	0.0038	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc nội dung công việc "2.2. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa."</p>

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
II.	Chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính đã xây dựng trước ngày 01 tháng 8 năm 2016 (ngày Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành)				II	QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHUYỂN ĐỔI, BỔ SUNG, HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH ĐÃ XÂY DỰNG TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2024 (NGÀY THÔNG TƯ SỐ 09/2024/TT-BTNMT CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH)				
II.1	Chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện dữ liệu địa chính (Không bao gồm nội dung xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền) - Bảng số 17				II.1	Chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện dữ liệu địa chính (Không bao gồm nội dung xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền)				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: Xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính trên địa bàn thi công	Thửa	Nhóm 2 (1KTV2 +1KS4)	0.0003	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thi công.	Thửa	Nhóm 2 (1KTV2 +1KS4)	0.0003	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, cài đặt phần mềm phục vụ cho công tác chuyên đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính	Thửa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	0.0003	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Thửa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	0.00015	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm đi. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm đi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, định mức công sau khi tính toán là: 0.0005
					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác chuyên đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng trước ngày 01 tháng 8 năm 2024.	Thửa	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	0.00015	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm đi. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm đi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, định mức công sau khi tính toán là: 0.0005
2	Chuyển đổi dữ liệu địa chính	Thửa			2	Chuyển đổi dữ liệu địa chính	Thửa			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.1	Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của CSDL địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu hiện hành	Thửa	1KS3	0.001	2.1	Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Thửa	1KS3	0.001	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính	Thửa	1KS2	0.0003	2.2	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính	Thửa	1KS2	0.0003	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.3	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	1KS2	0.0003	2.3	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	1KS2	0.0003	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.4	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét	Thửa	1KS2	0.0001	2.4	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phi cấu trúc về địa chính.	Thửa	1KS2	0.0004	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới, được hình thành bởi 2 nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phi cấu trúc về địa chính (thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với thửa đất trong CSDL) - Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét. <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung công việc: Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phi cấu trúc về địa chính có Định mức công tương đương với nội dung công việc tại bước 2.3. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính. - Nội dung công việc: Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét có định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										BTNMT. Như vậy định mức công của nội dung công việc trên là: 0.0004 công
3	Bổ sung, hoàn thiện dữ liệu địa chính	Thửa			3	Rà soát, bổ sung dữ liệu địa chính	Thửa			
					3.1	Rà soát 100% số thửa đất đã thực hiện chuyển đổi theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Thửa	1KS3	0.002	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "4.1.Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung"

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
3.1	Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính	Thửa	1KS1	0.0013	3.2	Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính	Thửa	1KS1	0.0013	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3.2	Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	1KS1	0.0137	3.3	Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	1KS1	0.0137	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					3.4	Xây dựng bổ sung dữ liệu của các thửa đất còn thiếu trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu trước đây theo nội dung, cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Thửa	1KS1		Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Việc xây dựng bổ sung dữ liệu của các Thửa đất còn thiếu trong quá trình xây dựng CSDL thì sẽ bao gồm các nội dung sau:

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các thửa đất chưa xây dựng CSDL địa chính - Đối với các địa bàn thực hiện chuyển đổi CSDL địa chính nhưng chưa có hoặc chưa đầy đủ các thành phần của hồ sơ quét; chưa thực hiện công tác xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính - Đối với các thửa đất chưa xây dựng dữ liệu thuộc tính trong CSDL địa chính - Đối với các thửa đất chưa xây dựng dữ liệu không gian trong CSDL địa chính
					4	Hoàn thiện dữ liệu địa chính				
3.3	Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung	Thửa	1KS3	0.002	4.1	Thực hiện rà soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai sau khi chuyển đổi, bổ sung.	Thửa	1KS3	0.002	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3.4	Thực hiện xuất Sổ địa chính (điện tử) đối với những thửa đất chưa có Sổ địa chính (điện tử)	Thửa	1KS3	0.0025	4.2	Thực hiện xuất sổ địa chính theo quy định đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính hoặc nội dung đã thay đổi.	Thửa	1KS3	0.0025	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	Thửa			5	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	Thửa			
4.1	Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính	Thửa	1KS3	0.0001	5.1	Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính	Thửa	1KS3	0.0001	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.2	Thu nhận bổ sung các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu địa chính (thu nhận bổ sung thông tin)	Thửa	1KS2	0.0019	5.2	Thu nhận bổ sung các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu địa chính (thu nhận bổ sung thông tin)	Thửa	1KS2	0.0019	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.3	Nhập bổ sung thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	1KS1	0.0001	5.3	Nhập bổ sung thông tin cho siêu dữ liệu địa chính theo từng đơn vị hành chính cấp xã đối với phạm vi cơ sở dữ liệu địa chính đã được xây dựng và được cập nhật khi có thay đổi thông tin.	Thửa	1KS1	0.0001	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5	Đối soát dữ liệu (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Thửa			6	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống (Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)				
5.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng CSDL đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	1KS1	0.005	6.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính.	Thửa	1KS1	0.005	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.2	Thực hiện ký số vào sổ địa chính (điện tử) đối với trường hợp xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	1KS4	0.005	6.2	Thực hiện ký số sổ địa chính đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính.	Thửa	1KS4	0.005	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					6.3	Tích hợp dữ liệu sau khi chuyển đổi, bổ sung vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.	Thửa	1KS3	0.01	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "8.3.Tích hợp dữ liệu đã được đối soát

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										<i>vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương."</i>
6	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính	Thửa								Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức
	Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện khi kết thúc công trình; lập biên bản bàn giao dữ liệu địa chính	Thửa	1KTV4	0.001						
					7	Bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính đã được xây dựng theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai				Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
					7.1	Chuyển đổi nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu địa chính.	Thửa	1KS2	0.001	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì nội dung công việc của bước này gồm: - 2.2. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính; - 2.3. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính - 2.4. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phi cấu trúc về địa chính (Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét) Do đó, định mức công của nội dung công việc này bằng tổng mức công của các nội dung công việc trên sau khi thực hiện tính thử và làm thử, cụ thể định mức công là: 0.001
					7.2	Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian đất đai nền, dữ liệu không gian địa chính.	Thửa	1KS1	0.0013	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										"3.2. Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính "
					7.3	Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính.	Thửa	1KS1	0.0137	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "3.3. Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính"
					7.4	Rà soát, bổ sung siêu dữ liệu địa chính.	Thửa	1KS1	0.0001	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "7.2.Nhập thông tin siêu dữ liệu địa

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										<i>chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã"</i>
II.2	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền - Bảng số 18				II.2	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền				
1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền				1	Chuyển đổi, bổ sung dữ liệu không gian đất đai nền				
1.1	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	1KS3	6	1.1	Tách, lọc và chuyển đổi dữ liệu không gian đất đai nền từ dữ liệu không gian của cơ sở dữ liệu địa chính đã có	Xã	1KS3	6	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
					1.2	Xây dựng, bổ sung lớp tìm đường cho lớp giao thông dạng vùng đối với trường hợp trên bản đồ địa chính chưa có lớp tìm đường theo phân cấp đường giao thông. Lớp tìm đường được xác định là đường trung tâm (center line) của đối tượng đường giao thông;	Xã	1KS3	10	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "1.4. Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã"
2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền	Xã			2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền	Xã			
	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	1KS3	3		Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	1KS3	3	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với nội dung trong định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
III.	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận - Bảng số 29				III	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận				
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				
	Thu thập tài liệu phục vụ công tác xây dựng CSDL địa chính (Áp dụng 0,5 định mức tại Mục 2 Bảng số 01)					Thu thập tài liệu của công tác lập, chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu. Thu thập tài liệu của công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (Áp dụng 0,5 định mức tại Mục 2 Bảng số 01)				Áp dụng 0,5 định mức tại Mục 2.1 Bảng số 01
2	Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính gắn với xây dựng dữ liệu không gian				2	Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính gắn với xây dựng dữ liệu không gian				
2.1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền (Áp dụng định mức tại các Mục 1.2, 1.3, 1.4 và 2.2 Bảng số 02)				2.1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền (Áp dụng định mức tại các Mục 1.2, 1.3, 1.4 và 2.2 Bảng số 02)				Áp dụng định mức tại các Mục 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 2.2 Bảng số 02
2.1.1	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền				2.1.1	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền				
2.1.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL				2.1.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.1.3	0				2.1.3	Xây dựng, bổ sung lớp tìm đường cho lớp giao thông dạng vùng đối với trường hợp trên bản đồ địa chính chưa có lớp tìm đường theo phân cấp đường giao thông. Lớp tìm đường được xác định là đường trung tâm (center line) của đôi tượng đường giao thông;				
2.1.4	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng				2.1.4	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào cơ sở dữ liệu đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.				
2.2	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính (Áp dụng định mức tại Mục 4.2 Bảng số 01)				2.2	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính (Áp dụng định mức tại Mục 4.2 Bảng số 01)				
	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã					Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã				Áp dụng định mức tại Mục 4.2 Bảng số 01
3	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính (Áp dụng định mức tại Mục 7 Bảng số 01)				3	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính (Áp dụng định mức tại Mục 7 Bảng số 01)				
3.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính					Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính				
3.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã					Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã				Áp dụng định mức tại Mục 8.1 Bảng số 01
4	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống (Áp dụng 0,25 định mức tại Mục 8.3 Bảng số 01)				4	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống (Áp dụng 0,25 định mức tại Mục 8.3 Bảng số 01)				Áp dụng định mức tại Mục 6.2 Bảng số 01
	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống theo định kỳ hàng tháng phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng					Tích hợp dữ liệu đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới))					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
5	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính (Áp dụng định mức tại Mục 9 Bảng số 01)				5	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính (Áp dụng định mức tại Mục 9 Bảng số 01)				Áp dụng định mức tại Mục 7 Bảng số 01
	Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo định kỳ hàng tháng, theo công đoạn công trình và khi kết thúc công trình. Lập biên bản bàn giao dữ liệu địa chính									Áp dụng định mức tại Mục 7 Bảng số 01

Xây dựng bổ sung Điều 9 theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai như sau:

“Điều 9. Chính lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã

1. Định mức lao động

Việc chính lý cơ sở dữ liệu đất đai được thực hiện đồng thời với việc chính lý hồ sơ địa chính. Việc chính lý, bổ sung vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai được tính như sau:

Bảng số 33

STT	Nội dung công việc	Định mức
1	Công tác chuẩn bị	
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.1 Bảng số 01
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.2 Bảng số 01
1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.3 Bảng số 01
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	
2.1	Thu thập các tài liệu, dữ liệu đất đai bao gồm: hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính đã được chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.1 Bảng số 01
2.2	Lập bản tham chiếu các thửa đất, tài sản gắn liền với đất của cơ sở dữ liệu đất đai cần chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.2 Bảng số 01
3	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai	
3.1	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai nền theo địa giới hành chính mới do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Áp dụng định mức tại các Mục 1.2, 1.4, 2.1 và 2.2 Bảng số 02
3.2	Chỉnh lý dữ liệu không gian của thửa đất, tài sản gắn liền với đất: cập nhật, bổ sung các thông tin về mã đơn vị hành chính cấp xã, số hiệu tờ bản đồ; số thửa đất; địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 4.1.3 Bảng số 01
4	Chỉnh lý dữ liệu thuộc tính địa chính	
	Cập nhật, bổ sung nhóm dữ liệu về thửa đất và nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất với các trường thông tin về mã đơn vị hành chính, số hiệu tờ bản đồ, số thửa đất, địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 5.1 và mức tại mục 5.3 Bảng số 01
5	Cập nhật dữ liệu đất đai phi cấu trúc của tài liệu về địa chính để đảm bảo liên kết tới dữ liệu thửa đất	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 3 Bảng số 03
6	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 8.1 và mục 8.3 Bảng số 01

2. Định mức thiết bị

Bảng số 34

STT	Nội dung công việc	Định mức
1	Công tác chuẩn bị	
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.1 Bảng số 04
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.2 Bảng số 04
1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.3 Bảng số 04
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	
2.1	Thu thập các tài liệu, dữ liệu đất đai bao gồm: hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính đã được chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.1 Bảng số 04
2.2	Lập bản tham chiếu các thửa đất, tài sản gắn liền với đất của cơ sở dữ liệu đất đai cần chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.2 Bảng số 04
3	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai	
3.1	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai nền theo địa giới hành chính mới do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Áp dụng định mức tại các Mục 1.2, 1.4, 2.1 và 2.2 Bảng số 05
3.2	Chỉnh lý dữ liệu không gian của thửa đất, tài sản gắn liền với đất: cập nhật, bổ sung các thông tin về mã đơn vị hành chính cấp xã, số hiệu tờ bản đồ; số thửa đất; địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 4.1.3 Bảng số 04
4	Chỉnh lý dữ liệu thuộc tính địa chính	
	Cập nhật, bổ sung nhóm dữ liệu về thửa đất và nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất với các trường thông tin về mã đơn vị hành chính, số hiệu tờ bản đồ, số thửa đất, địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 5.1 và mục 5.3 Bảng số 04
5	Cập nhật dữ liệu đất đai phi cấu trúc của tài liệu về địa chính để đảm bảo liên kết tới dữ liệu thửa đất	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 3 Bảng số 06
6	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 8.1 và mục 8.3 Bảng số 04

Ghi chú: Các nội dung công việc: nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký và nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN phục vụ cho việc cập nhật dữ liệu thuộc tính đối với trường hợp chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã thì được tính thêm định mức thiết bị máy chủ và hệ quản trị CSDL thuộc tính tại Mục 5.3 Bảng số 04.

3. Định mức dụng cụ

Bảng số 35

STT	Nội dung công việc	Định mức
1	Công tác chuẩn bị	
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.1 Bảng số 08
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.2 Bảng số 08
1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.3 Bảng số 08
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	
2.1	Thu thập các tài liệu, dữ liệu đất đai bao gồm: hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính đã được chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.1 Bảng số 08
2.2	Lập bản tham chiếu các thửa đất, tài sản gắn liền với đất của cơ sở dữ liệu đất đai cần chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.2 Bảng số 08
3	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai	
3.1	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai nền theo địa giới hành chính mới do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Áp dụng định mức tại các Mục 1.2, 1.4, 2.1 và 2.2 Bảng số 10
3.2	Chỉnh lý dữ liệu không gian của thửa đất, tài sản gắn liền với đất: cập nhật, bổ sung các thông tin về mã đơn vị hành chính cấp xã, số hiệu tờ bản đồ; số thửa đất; địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 4.1.3 Bảng số 08
4	Chỉnh lý dữ liệu thuộc tính địa chính	
	Cập nhật, bổ sung nhóm dữ liệu về thửa đất và nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất với các trường thông tin về mã đơn vị hành chính, số hiệu tờ bản đồ, số	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục

STT	Nội dung công việc	Định mức
	thửa đất, địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	5.1 và mức tại mục 5.3 Bảng số 08
5	Cập nhật dữ liệu đất đai phi cấu trúc của tài liệu về địa chính để đảm bảo liên kết tới dữ liệu thửa đất	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 3 Bảng số 11
6	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 8.1 và mục 8.3 Bảng số 08

4. Định mức vật liệu

Bảng số 36

STT	Nội dung công việc	Định mức
1	Công tác chuẩn bị	
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.1 Bảng số 13
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.2 Bảng số 13
1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 1.3 Bảng số 13
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	
2.1	Thu thập các tài liệu, dữ liệu đất đai bao gồm: hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính đã được chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.1 Bảng số 13
2.2	Lập bản tham chiếu các thửa đất, tài sản gắn liền với đất của cơ sở dữ liệu đất đai cần chỉnh lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 2.2 Bảng số 13
3	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai	
3.1	Chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai nền theo địa giới hành chính mới do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Áp dụng định mức tại các Mục 1.2, 1.4, 2.1 và 2.2 Bảng số 15
3.2	Chỉnh lý dữ liệu không gian của thửa đất, tài sản gắn liền với đất: cập nhật, bổ sung các thông tin về mã đơn vị hành chính cấp xã, số hiệu tờ bản đồ; số thửa đất;	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 4.1.3 Bảng số 13

STT	Nội dung công việc	Định mức
	Địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	
4	Chỉnh lý dữ liệu thuộc tính địa chính	
	Cập nhật, bổ sung nhóm dữ liệu về thửa đất và nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất với các trường thông tin về mã đơn vị hành chính, số hiệu tờ bản đồ, số thửa đất, địa chỉ theo đơn vị hành chính mới	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 5.1 và mục 5.3 Bảng số 13
5	Cập nhật dữ liệu đất đai phi cấu trúc của tài liệu về địa chính để đảm bảo liên kết tới dữ liệu thửa đất	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 3 Bảng số 16
6	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương	Áp dụng 0.1 lần định mức tại Mục 8.1 và mục 8.3 Bảng số 13

II. Nội dung định mức lao động xây dựng CSDL Thống kê, kiểm kê

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
A	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP XÃ				A	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP XÃ				
I	Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai (Bảng 33)				I	Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai, tích hợp dữ liệu vào hệ thống				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Xã	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	0.250	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Xã	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	0.250	Đây là nội dung tương ứng với Mục 1.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.200	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.100	Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.100	Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (AI). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2	Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Xã			2	Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Xã			
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	1KS1	0.500	2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	1KS1	0.500	Nội dung này tương ứng mục 2.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Xã	1KS1	0.250	2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Xã	1KS1	0.250	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã								
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Xã	1KTV4	0.150						Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	1KS3	0.500	3	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	Xã	1KS3	0.250	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	1KTV4	0.100						Trong Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT không thực hiện nội dung này
II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (bảng 34)				II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thông kê, kiểm kê đất đai; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai				
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.1000	1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.1000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.2500	1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.2500	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.3	Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.2500	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 4 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3
2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.1000	2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện theo khoản 1 Điều 60 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.1000	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.2000	2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện theo khoản 1 Điều 60 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.2000	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin (gồm các công việc và định mức tại các Mục 1 và Mục 2 Bảng 03.)	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			3	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất				3.1	Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF				Nội dung này tương ứng với mục 3.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
3.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	3.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	Nội dung này tương ứng với mục 3.1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	3.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	Nội dung này tương ứng với mục 3.1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang	1KS1	0.004	3.2	Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	1KS1	0.004	Nội dung này tương ứng với mục 3.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					3.3	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	0.200	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian cho 5 Kỳ kiểm kê (năm thống kê) với định biên là KS1
3.3	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	0.1000	3.4	Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	0.100	Nội dung này tương ứng với mục 3.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tương đương với mức công tại mục 3.3. "Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai" của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT.

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
					3.5	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.250	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 4 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3
4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai				
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)								Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.1	Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.200						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.2	Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.400						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.200						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
						Nhập dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai gồm:				Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
					4.1	Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã:	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.200	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian cho 5Kỳ kiểm kê (năm thống kê) với định biên là KS2
					4.2	Nhóm dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.200	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian cho 5Kỳ kiểm kê (năm thống kê) với định biên là KS2
5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.4000	5.1	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu thống kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.4000	Nội dung này tương ứng với mục 5.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4+ 1KS3)	0.5000	5.2	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu kiểm kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4+ 1KS3)	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 5.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
III	Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai (Bảng 35 x bảng 36)				III	Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai				
1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai				1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai				
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kết quả điều tra kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ				1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kiểm kê đất đai và lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.800		Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.800	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.900		Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.900	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.000		Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.150		Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.150	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
						Tỷ lệ 1/25.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.300	Đây là nội dung mới theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai. Định mức tính công 1.300 theo bước nhảy từ tỷ lệ 1/1000 đến 1/10.000
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp				1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp với quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				
	Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.200		Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.200	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.350		Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.350	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.500		Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.500	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.725		Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.725	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
						Tỷ lệ 1/25.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.950	Đây là nội dung mới theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai. Định mức tính công 1.950 theo bước nhảy từ tỷ lệ 1/1000 đến 1/10.000
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)				1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)				
	Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.240		Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.240	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.270		Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.270	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.300		Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.300	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.345		Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.345	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
						Tỷ lệ 1/25.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.390	Đây là nội dung mới theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai. Định mức tính công 0.390 theo bước nhảy từ tỷ lệ 1/1000 đến 1/10.000
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai				1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.800		Tỷ lệ 1/1.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.800	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.900		Tỷ lệ 1/2.000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.900	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.000		Tỷ lệ 1/5.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.000	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.150		Tỷ lệ 1/10.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.150	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
						Tỷ lệ 1/25.000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.30	Đây là nội dung mới theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai. Định mức tính công 1.300 theo bước nhảy từ tỷ lệ 1/1000 đến 1/10.000
2	Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			2	Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	0.300	2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (file) bản đồ số của bản đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất vào cơ sở dữ liệu theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	0.300	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Lớp dữ liệu	1KS3	0.500	2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn được lập thành bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Lớp dữ liệu	1KS3	0.500	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
B	XÂY DỰNG CSDL THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP HUYỆN				B	XÂY DỰNG CSDL THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP HUYỆN				
I	Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai (Bảng 52)				I	Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Huyện	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	1.5000	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Huyện	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	1.5000	Đây là nội dung tương ứng với Mục 1.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	1.5000	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.	Huyện	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	1.0000	Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.5000	Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện			2	Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện			
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1KS1	1.0000	2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1KS1	1.0000	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
										đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Huyện	1KS1	0.5000	2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Huyện	1KS1	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện								Theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu nằm trong chi phí chung nên nội dung này không tính định mức
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Huyện	1KTV4	1.0000						Theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu nằm trong chi phí chung nên nội dung này không tính định mức
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Huyện	1KS3	2.0000	3	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	Huyện	1KS3	1.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1KTV4	1.0000						Theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu nằm trong chi phí chung nên nội dung này không tính định mức
II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (bảng 53)				II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai				
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.1000	1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.1000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác trong tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2(1KTV4 + 1KS3)	0.5000	1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2(1KTV4 + 1KS3)	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.3	Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.2500	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 4 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3
2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.5000	2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện theo khoản 1 Điều 60 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2(1KTV4 + 1KS3)	1.5000	2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện theo khoản 1 Điều 60 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2(1KTV4 + 1KS3)	1.5000	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			3	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
					3.1	Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF				Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.2	Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	1KS1	0.004	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.3	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	0.200	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	0.5000	3.4	Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	0.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác trong tự trọng điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					3.5	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.250	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 4 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3
4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai				
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)								Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.1	Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.2000						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
4.1.2	Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.4000						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.2000						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
						Nhập dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai gồm:				Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
					4.1	Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.200	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian cho 5Kỳ kiểm kê (năm thống kê) với định biên là KS2
					4.2	Nhóm dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.200	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian cho 5Kỳ kiểm kê (năm thống kê) với định biên là KS2
5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.5000	5.1	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu thống kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 5.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4+ 1KS3)	1.0000	5.2	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu kiểm kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4+ 1KS3)	1.0000	Nội dung này tương ứng với mục 5.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
III	Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai (Bảng 54 x 55)				III	Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai				
1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai				1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai				
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kết quả điều tra kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ				1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kiểm kê đất đai và lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
						đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất				
	Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.8000		Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.8000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.0000		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.0000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.2000		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.2000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp				1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp với quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				
	Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.2500		Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.2500	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.5000		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.5000	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.7500		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.7500	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)	Lớp dữ liệu			1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)	Lớp dữ liệu			
	Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.4500		Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.4500	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.5000		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.5500		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.5500	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)	Lớp dữ liệu			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.8000		Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.8000	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thông kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.0000		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.0000	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thông kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.2000		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.2000	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thông kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			2	Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	0.5000	2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (file) bản đồ số của bản đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất vào cơ sở dữ liệu theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Lớp dữ liệu	1KS3	1.0000	2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn được lập thành bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Lớp dữ liệu	1KS3	1.0000	Nội dung này tương ứng với mục 2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
C	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP TỈNH				C	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP TỈNH				
I	Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai (Bảng 71)				I	Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Tinh	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	2.0000	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Tinh	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	2.0000	Đây là nội dung tương ứng với Mục 1.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	2.0000	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.	Tinh	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	1.0000	Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	1.0000	Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2	Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh			2	Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh			
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh	1KS1	1.0000	2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh	1KS1	1.0000	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Tinh	1KS1	0.5000	2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Tinh	1KS1	0.5000	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh								Theo quy định của Thông tư số 136/2017/TT-BTC thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL được tính trong chi phí chung. Nên Quy trình thực hiện vẫn quy định nhưng không được tính định biên, định mức
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Tinh	1KTV4	1.0000						

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Tinh	1KS3	3.0000	3	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	Tinh	1KS3	1.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Tinh	1KTV4	1.0000						
II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (bảng 72)				II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai				
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	2.0000	1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	2.0000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2(1KTV4 + 1KS3)	3.0000	1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2(1KTV4 + 1KS3)	3.0000	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.3	Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.2500	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 4 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3
2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	2.0000	2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện theo khoản 1 Điều 60 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	2.0000	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2(1KTV4 + 1KS3)	5.0000	2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện theo khoản 1 Điều 60 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	5.0000	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			3	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
					3.1	Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF				Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.2	Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	1KS1	0.004	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
					3.3	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	0.200	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	1.0000	3.4	Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS1	1.0000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					3.5	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4 + 1KS3)	0.250	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 2 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3
4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)								Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.1	Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	0.5000						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
4.1.2	Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	1.0000						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	1.5000						
						Nhập dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai gồm:				Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
					4.1	Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.200	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian cho 5Kỳ kiểm kê (năm thống kê) với định biên là KS2
					4.2	Nhóm dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS2	0.200	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian cho 5Kỳ kiểm kê (năm thống kê) với định biên là KS2
5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	1.0000	5.1	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu thống kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	1KS3	1.0000	Nội dung này tương ứng với mục 5.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4+ 1KS3)	2.5000	5.2	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu kiểm kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ kiểm kê (năm thống kê)	Nhóm 2 (1KTV4+ 1KS3)	2.5000	Nội dung này tương ứng với mục 5.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
III	Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai (Bảng 73,74)				III	Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai				
1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai				1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kết quả điều tra kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ				1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kiểm kê đất đai và lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất				
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	4.500		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	4.500	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.000		Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.000	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.500		Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.500	Nội dung này tương ứng với mục 1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp				1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp với quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	6.300		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	6.300	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.000		Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.000	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.700		Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.700	Nội dung này tương ứng với mục 1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)	Lớp dữ liệu			1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)	Lớp dữ liệu			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.900		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	0.900	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.000		Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.000	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.100		Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	1.100	Nội dung này tương ứng với mục 1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)	Lớp dữ liệu			
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	6.300		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	6.300	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.000		Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.000	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT-BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.700		Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.700	Nội dung này tương ứng với mục 1.4 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			2	Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai	Lớp dữ liệu			
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	2.000	2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (file) bản đồ số của bản đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất vào cơ sở dữ liệu theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	2.000	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai TT25/2024/TT/BTNMT)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT)	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Lớp dữ liệu	1KS3	3.000	2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn được lập thành bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Lớp dữ liệu	1KS3	3.000	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

III. Nội dung định mức lao động xây dựng CSDL Quy hoạch, kế hoạch

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
A	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN CỦA CÁC KỶ TRƯỚC				A	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ CỦA CÁC KỶ TRƯỚC (TT25/2024/TT-BTNMT)				
I	Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (Bảng109)				I	Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	huyện	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	2.000	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	Xã	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	1.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giám so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	huyện	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	2.000	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giám so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giám so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
2	Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				2	Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	huyện	1KS1	3.000	2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu	Xã	1KS1	1.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giám so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	huyện	1KS1	1.000	2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Xã	1KS1	0.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giám so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
3	Kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	huyện								
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	huyện	1KTV4	2.000						Theo quy định của Thông tư số 136/2017/TT-BTC thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL được tính trong chi phí chung. Nên Quy trình thực hiện vẫn quy định nhưng không được tính định biên, định mức
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	huyện	1KS3	5.000	3	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	Xã	1KS3	2.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
										tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	huyện	1KTV4	2.000						Theo quy định của Thông tư số 136/2017/TT-BTC thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL được tính trong chi phí chung. Nên Quy trình thực hiện vẫn quy định nhưng không được tính định biên, định mức
II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất(bảng110)				II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				
	Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện gồm: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu và hàng năm; bản đồ chuyên đề (nếu có).	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	4.000	1.1	Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã gồm: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã và bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp xã; bản đồ quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu (nếu có)	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	4.000	Nội dung này tương ứng với mục 1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.2	Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	0.250	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới	
2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu				2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu					
2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				Kỳ QH (năm kế hoạch) 1KS3 18,00	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.1.1	Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	10.000						
2.1.2	Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	8.000						

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
2.2	Làm sạch và sắp xếp tài liệu quy hoạch sử dụng đất theo trình tự thời gian hình thành tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4+1KS4)	5.000	-	-	-	-	-	Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
2.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	3.000	2.2	Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều 42, Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	3.000	Nội dung này tương ứng với mục 2.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin				3	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mục 1 và Mục 2 Bảng 03)				3.1	Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
3.1.1	Quét trang A3	trang	1KS1	0.012	3.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
3.1.2	Quét trang A4	trang	1KS1	0.008	3.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	0	1KS1	0.004	3.2	Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	1KS1	0.004	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
3.3	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	0.500	3.3	Đối với tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	0.500	Nội dung này tương ứng với mục 3.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					3.4	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với các đối tượng không gian	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	1.000	Đây là nội dung công việc đã mới theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm tính 1 công KS2 cho công việc này
					3.5	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	0.250	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)			4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)			
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau	Kỳ QH (năm kế hoạch)								Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.1	Lập mô hình chuyển đổi CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	1.000						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.2	Chuyển đổi vào CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	2.000						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	1.000						
4.3	Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	2.000		Nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã:				
					4.1	Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	2.000	Nội dung này tương ứng với mục 4.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					4.2	Dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp xã	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	2.000	Nội dung này tương ứng với mục 4.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)			5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	5.000	5.1	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu quy hoạch sử dụng đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	5.000	Nội dung này tương ứng với mục 5.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	2.000	5.2	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu kế hoạch sử dụng đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	2.000	Nội dung này tương ứng với mục 5.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
III	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (bảng 111)				III	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
1	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch				1	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch				
1.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất				1.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất				1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
						Tỷ lệ 1/2000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.40	Đây là nội dung mới theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai. Định mức tính công 2.400 theo bước nhảy từ tỷ lệ 1/5000 đến 1/25.000
	Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.70		Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.70	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	3.00		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	3.00	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	3.30		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	3.30	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất chưa phù hợp				1.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				
						Tỷ lệ 1/2000	Lớp dữ liệu	1KS3	8.00	Đây là nội dung mới theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BTNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai. Định mức tính công 8.000 theo bước nhảy từ tỷ lệ 1/5000 đến 1/25.000
	Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	9.00		Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	9.00	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	10.00		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	10.00	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	11.00		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	11.00	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất	Lớp dữ liệu			1.1.3	Rà soát, chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Lớp dữ liệu			
						Tỷ lệ 1/2000	Lớp dữ liệu	1KS3	6.80	Đây là nội dung mới theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai. Định mức tính công 6.80 theo bước nhảy từ tỷ lệ 1/5000 đến 1/25.000

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
	Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.65		Tỷ lệ 1/5000	Lớp dữ liệu	1KS3	7.65	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	8.50		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	8.50	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	9.35		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	9.35	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.2	Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch sử dụng đất				1.2	Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất của bản đồ vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	2.50	1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của bản đồ vào cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	2.50	Nội dung này tương ứng với mục 1.2.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.2.2	Nhập bổ sung các trường thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Lớp dữ liệu	1KS3	2.00	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Nhập bổ sung các trường thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai cho 1 lớp dữ liệu với định biên là KS3
1.2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn.	Lớp dữ liệu	1KS3	4.70	1.2.3	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn thành bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Lớp dữ liệu	1KS3	4.70	Nội dung này tương ứng với mục 1.2.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch	Lớp dữ liệu			2	Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch	Lớp dữ liệu			

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp dữ liệu	1KS3	2.50	2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp dữ liệu	1KS3	2.50	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất	Lớp dữ liệu	1KS3	2.125	2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất	Lớp dữ liệu	1KS3	2.125	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	0.625	2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	0.625	Nội dung này tương ứng với mục 2.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
B	XÂY DỰNG CSDL QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH CỦA CÁC KỲ TRƯỚC				B	XÂY DỰNG CSDL QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH CỦA CÁC KỲ TRƯỚC				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
I	Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (Bảng 128)				I	Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	Tỉnh	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	5.00	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	Tỉnh	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	5.00	<p>Đây là nội dung tương ứng với Mục 1.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau.</p> <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT</p>
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	Tỉnh	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	5.00	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Tỉnh	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	2.00	<p>Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau.</p> <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT</p>

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	3.00	Nội dung này được tách ra từ mục 1.2 (AI). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh			2	Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh			
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh	1KS1	4.00	2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu	Tỉnh	1KS1	4.00	Đây là nội dung tương ứng với Mục 2.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh	1KS1	1.50	2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh	1KS1	1.50	Đây là nội dung tương ứng với Mục 2.1 (I). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
3	Kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh								Theo quy định của Thông tư số 136/2017/TT-BTC thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL được tính trong chi phí chung. Nên Quy trình thực hiện vẫn quy định nhưng không được tính định biên, định mức
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Tỉnh	1KTV4	3.00						Theo quy định của Thông tư số 136/2017/TT-BTC thì nội dung Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL được tính trong chi phí chung. Nên Quy trình thực hiện vẫn quy định nhưng không được tính định biên, định mức
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Tỉnh	1KS3	6.00	3	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	Tỉnh	1KS3	3.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tỉnh	1KTV4	3.00						Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (bảng129)				II	Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	8.00	1	Thu thập tài liệu, dữ liệu				
					1.1	Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh gồm: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; bản đồ chuyên đề.	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	8.00	Nội dung này tương ứng với mục 1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.2	Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	0.25	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 4 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3
2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu				2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu				
2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3		2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3		Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
2.1.1	Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	20.00	2.1.1	Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	20.00	Nội dung này tương ứng với mục 2.1.1 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.1.2	Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	16.00	2.1.2	Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	16.00	Nội dung này tương ứng với mục 2.1.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Làm sạch và sắp xếp tài liệu quy hoạch sử dụng đất theo trình tự thời gian hình thành tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4+1KS4)	9.00						
2.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	7.50	2.2	Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều 42, Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	7.50	Nội dung này tương ứng với mục 2.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
3	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin				3	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mục 1 và Mục 2 Bảng 03)				3.1	Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
3.1.1	Quét trang A3	trang	1KS1	0.012	3.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
3.1.2	Quét trang A4	trang	1KS1	0.008	3.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	0	1KS1	0.004	3.2	Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	1KS1	0.004	Tính bằng xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê cấp xã
3.3	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	0.500	3.3	Đối với tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	1.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					3.4	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với các đối tượng không gian	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	1.000	Tính như cấp huyện của các kỳ trước
					3.5	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2(1KTV 4 + 1KS3)	0.25	Đây là nội dung công việc mới quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 1 ngày Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa 4 Kỳ kiểm kê (năm thống kê). KS3 sử dụng cho việc lựa chọn sắp xếp tài liệu, KTV4 làm nhiệm vụ vận chuyển, hỗ trợ cho KS3

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
4	Xây dựng dữ liệu thuộc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)			4	Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau	Kỳ QH (năm kế hoạch)								Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.1	Lập mô hình chuyển đổi CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS3	1.00						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.1.2	Chuyển đổi vào CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	3.40						Đây là nội dung công việc đã được lược bỏ và thay đổi phương pháp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT nên không được tính định biên và định mức cho nội dung này
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	1.70						
4.3	Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	7.00		Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh gồm:				
					4.1	Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS2	7.00	Nội dung này tương ứng với mục 4.2 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
					4.2	Dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Kỳ QH (năm kế hoạch)	1KS1	7.00	Nội dung này tương ứng với mục 4.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)			5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)			
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	10.00	5.1	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu quy hoạch sử dụng đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	10.00	Nội dung này tương ứng với mục 4.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	5.00	5.2	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu kế hoạch sử dụng đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ QH (năm kế hoạch)	Nhóm 2 (1KTV4 +1KS2)	5.00	Nội dung này tương ứng với mục 4.3 (II). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
III	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (bảng 130,131)				III	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
1	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch				1	Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch				
1.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất				1.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất				1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	4.590		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	4.590	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.100		Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.100	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.610		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.610	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất chưa phù hợp				1.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	15.30		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	15.30	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	17.00		Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	17.00	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
	Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	18.70		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	18.70	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
1.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất	Lớp dữ liệu			1.1.3	Rà soát, chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				
	Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	13.005		Tỷ lệ 1/25000	Lớp dữ liệu	1KS3	13.005	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
	Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	14.45		Tỷ lệ 1/50000	Lớp dữ liệu	1KS3	14.45	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới		
		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	15.895		Tỷ lệ 1/10000	Lớp dữ liệu	1KS3	15.895	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT	
1.2	Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch sử dụng đất					1.2	Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất					
1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất của bản đồ vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính		Lớp dữ liệu	1KS3	4.250	1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của bản đồ vào cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính		Lớp dữ liệu	1KS3	4.250	Nội dung này tương ứng với mục 1.2.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
						1.2.2	Nhập bổ sung các trường thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai		Lớp dữ liệu	1KS3	2.00	Đây là nội dung công việc quy định tại Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm đưa ra mức công việc 2 ngày Nhập bổ sung các trường thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai cho 1 lớp dữ liệu với định biên là KS3

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
1.2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn.	Lớp dữ liệu	1KS3	7.990	1.2.3	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn thành bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT	Lớp dữ liệu	1KS3	7.990	Nội dung này tương ứng với mục 1.1.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch	Lớp dữ liệu			2	Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch				
2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp dữ liệu	1KS3	8.500	2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp dữ liệu	1KS3	8.500	Nội dung này tương ứng với mục 2.1 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất	Lớp dữ liệu	1KS3	7.225	2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất	Lớp dữ liệu	1KS3	7.225	Nội dung này tương ứng với mục 2.2 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Dự thảo: Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới
2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	2.125	2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu	1KS3	2.125	Nội dung này tương ứng với mục 2.3 (III). Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp và kinh nghiệm với định mức đã thực hiện tại các tỉnh khác tương tự trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

IV. Nội dung định mức lao động xây dựng CSDL giá đất

Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017					Định mức Kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Theo quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)					Giải trình nội dung sửa đổi
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định biên	Định mức (công nhóm)	
I	Công tác chuẩn bị; thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng siêu dữ liệu giá đất; kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất(Bảng166)				I	Công tác chuẩn bị; thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu giá đất đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian; xây dựng siêu dữ liệu giá đất; tích hợp dữ liệu vào hệ thống				
1	Công tác chuẩn bị				1	Công tác chuẩn bị				

1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL giá đất trên địa bàn thi công	huyện	Nhóm 2 (1 KTV2+ 1KS4)	2.000	1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn thi công.	Xã	Nhóm 2 (1 KTV2+1 KS4)	1.000	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau.</p> <p>Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.</p>
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL giá đất	huyện	Nhóm 2 (1 KTV4+ 1KS2)	2.000	1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.500	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì công việc đã được tách thành 02 nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc. - Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất. <p>Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện và cấp xã có sự khác nhau.</p>

					1.3	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất.	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS2)	0.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì công việc đã được tách thành 02 nội dung: - Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc. - Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	huyện			2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Xã			
	Thu thập dữ liệu, tài liệu	huyện	Nhóm 2 (1 KTV4+ 1KS3)	6.000	2.1	Thu thập dữ liệu, tài liệu	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS3)	3.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.

					2.2	Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS3)	3.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
3	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	huyện			3	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Xã			
3.1	Rà soát, đánh giá, phân loại	huyện	1KS3	15.000	3.1	Rà soát, đánh giá, phân loại	Xã	1KS3	7.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
3.2	Làm sạch, sắp xếp theo các nhóm dữ liệu giá đất, theo trình tự thời gian hình thành tài liệu, dữ liệu.	huyện	1KS3	5.000						

3.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện	huyện	1KS3	2.000	3.2	Lập báo cáo kết quả thực hiện	Xã	1KS3	1.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
4	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin	huyện			4	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về giá đất	Xã			
4.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL giá đất	huyện	1KS1	2.000	4.1	Tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu giá đất đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian	Xã	1KS1	1.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
4.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất				4.2	Quét các giấy tờ của bộ tài liệu về giá đất.				

4.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	4.1.1	Quét trang A3	Trang A3	1KS1	0.012	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	4.1.2	Quét trang A4	Trang A4	1KS1	0.008	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
4.3	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang	1KS1	0.004	4.3	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	1KS1	0.004	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

4.4	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	1KS1	0.0100	4.4	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về giá đất với các đối tượng không gian.	Thửa	1KS1	0.0101	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới, được hình thành bởi 2 nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc; - Tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với thửa đất trong cơ sở dữ liệu. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì: - Nội dung công việc: Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc có Định mức công tương đương với nội dung công việc tại bước 2.2.2. <i>Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.</i> - Nội dung công việc: Tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với thửa đất trong cơ sở dữ liệu có định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT. <p>Như vậy định mức công của nội dung công việc trên là: 0.0101</p>
					4.5	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.	Xã	Nhóm 2 (1 KTV4+1 KS3)	3.000	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau.</p> <p>Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-</p>

1.1	Dữ liệu giá đất theo bảng giá đất đối với địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất	Thửa	1KS1	0.0162	1.1	Dữ liệu về quyết định giá đất.	Thửa	1KS1	0.0162	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
					1.2	Dữ liệu về bảng giá đất.	Thửa	1KS1	0.0162	
					1.3	Dữ liệu về giá thửa đất				
					1.3.1	Dữ liệu về giá đất được xác định trong các trường hợp: giá đất cụ thể; giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá đất trúng đấu giá; giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát, phiếu thu thập thông tin về thửa đất.				Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với các nội dung của định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì nội dung công việc của bước này gồm: - Giá đất cụ thể; - Giá đất trúng đấu giá; - Giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát, phiếu thu thập thông tin về thửa đất. Do đó, định mức công của nội dung công việc này bằng mức công tương ứng với các nội dung công việc trên sau khi thực hiện tính thử và làm thử. Đối với nội dung: - Giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Đây là nội dung mới, sau khi tính thử, làm thử thì mức công tương đương với nội dung: Giá đất trúng đấu giá.

					1.3.1.1	Giá đất cụ thể	Thừa	1KS1	0.0243	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.</p> <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "1.2. Dữ liệu giá đất cụ thể" của Định mức cũ</p>
					1.3.1.2	Giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thừa	1KS1	0.0097	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.</p> <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "1.3. Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất" của Định mức cũ</p>
					1.3.1.3	Giá đất trúng đấu giá	Thừa	1KS1	0.0097	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.</p> <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "1.3. Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất" của Định mức cũ</p>

					1.3.1.4	Giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát, phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Thửa	1KS1	0.0081	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "1.4. Dữ liệu giá đất chuyển nhượng trên thị trường theo Phiếu thu thập thông tin về thửa đất" của Định mức cũ
					1.3.2	Trường hợp địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất thì thực hiện lập mô hình chuyển đổi và chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu.				Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Xây dựng định mức như sau:
					1.3.2.1	Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của bảng giá đất đã được ban hành	Thửa	1KS1	0.001	Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "2.1. Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai." của Định mức cũ
					1.3.2.2	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính giá đất	Thửa	1KS1	0.0003	Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "2.3. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính." của Định mức cũ

					1.3.2.3	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phi cấu trúc giá đất.	Thừa	1KS1	0.0001	Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "2.4. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét." của Định mức cũ
1.2	Dữ liệu giá đất cụ thể	Thừa	1KS1	0.0243						
1.3	Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất	Thừa	1KS1	0.0097						
1.4	Dữ liệu giá đất chuyển nhượng trên thị trường theo Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Thừa	1KS1	0.0081						
1.5	Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai)	Thừa	1KS1	0.015	1.4	Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai)	Thừa	1KS1	0.015	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT
2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu giá đất	Thừa			2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu giá đất				
	Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng CSDL giá đất	Thừa	1KS3	0.0147	2.1	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu giá đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Thừa	1KS3	0.0147	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công không thay đổi so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT

5	Xây dựng siêu dữ liệu giá đất	huyện			2.2	Xây dựng siêu dữ liệu giá đất	Xã			
5.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) giá đất	huyện	1KS1	3.000	2.2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) giá đất	Xã	1KS1	1.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
5.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.	huyện	1KS1	1.000	2.2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.	Xã	1KS1	0.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì nội dung công việc là tương đồng nhau. Tuy nhiên, sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công giảm so với định mức công cũ của Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT, vì quy mô cấp huyện (Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT) và cấp xã (Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT) có sự khác nhau.
					III	Xây dựng dữ liệu không gian giá đất				
					1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian giá đất				Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.

					1.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian giá đất: lớp vùng giá trị; lớp thửa đất chuẩn; lớp dữ liệu thửa đất cụ thể;	Thừa	IKS3	0.0068	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "4.1.2.Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về CSDL đất đai"
					1.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian giá đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Thừa	IKS3	0.0125	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "4.1.3.Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định kỹ thuật về CSDL đất đai"
					2	Chuyển đổi và tích hợp không gian giá đất:				Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.

					2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian giá đất vào cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính	Thừa	1KS3	0.0015	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.</p> <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "4.2.Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã"</p>
					2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Thừa	IKS3	0.0125	<p>Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới.</p> <p>Sau khi tính thử, làm thử và sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức đã thực hiện trong điều kiện có thể so sánh được để tính toán thì định mức công tính ra tương đương với nội dung công việc "4.1.3.Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định kỹ thuật về CSDL đất đai"</p>

V. Nội dung định mức lao động xây dựng CSDL điều tra, đánh giá đất đai.

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định biên	Định mức (Công nhóm/ĐVT)	Giải trình nội dung sửa đổi
I	Công tác chuẩn bị, Thu thập tài liệu, dữ liệu, Xây dựng dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá đất, Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá đất, Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá đất, Tích hợp dữ liệu vào hệ thống				
1	Công tác chuẩn bị				
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất	Kỳ thực hiện/tinh	Nhóm 2 (KS2+KS4)	5.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 5.00
1.2	Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc	Kỳ thực hiện/tinh	Nhóm 2 (KS2+KS4)	5.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 5.00
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu				
2.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Kỳ thực hiện/tinh	Nhóm 2 (KS3+KS4)	8.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 8.00
2.2	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Kỳ thực hiện/tinh	Nhóm 2 (KS3+KS4)	1.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định biên	Định mức (Công nhóm/ĐVT)	Giải trình nội dung sửa đổi
					(Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 1.00
3	Xây dựng dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá đất				
3.1	Dữ liệu thuộc tính kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất bao gồm:				
3.1.1	Dữ liệu về quản lý bộ số liệu kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	Kỳ thực hiện/tinh	1KS3	0.20	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 0.2
3.1.2	Dữ liệu về phiếu điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh.	Kỳ thực hiện/tinh	1KS3	0.20	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 0.2
3.2	Nhập dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Kỳ thực hiện/tinh	1KS3	0.20	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 0.2
3.3	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:				

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định biên	Định mức (Công nhóm/ĐVT)	Giải trình nội dung sửa đổi
3.3.1	Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất	Kỳ thực hiện/tinh	1KS3	1.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 1.0
3.3.2	Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất	Kỳ thực hiện/tinh	1KS3	3.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 3.00
4	Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá đất				
4.1	Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá đất đưa vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%.				
4.1.1	Trang A3	Trang A3	1KS1	0.0120	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 0.0120
4.1.2	Trang A4	Trang A4	1KS1	0.0080	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định biên	Định mức (Công nhóm/ĐVT)	Giải trình nội dung sửa đổi
					BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 0.008
4.2	Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu điều tra, đánh giá đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh	Trang A3, A4	1KS1	0.0040	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 0.004
4.3	Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về điều tra, đánh giá đất với các đối tượng không gian	Kỳ thực hiện/tinh	1KS1	1.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 1.000
4.4	Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất	Kỳ thực hiện/tinh	1KS1	1.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 1.500
4.5	Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu	Kỳ thực hiện/tinh	Nhóm 2 (KS3+KS4)	1.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 1.000
5	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá đất				

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định biên	Định mức (Công nhóm/ĐVT)	Giải trình nội dung sửa đổi
5.1	Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kỳ thực hiện/tinh	Nhóm 2 (KS2+KS4)	10.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 10.000
5.2	Xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá đất				
5.2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết về các dữ liệu để xây dựng siêu dữ liệu	Kỳ thực hiện/tinh	1KS1	4.000	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 4.000
5.2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu	Kỳ thực hiện/tinh	1KS1	1.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 1.500
6	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	Kỳ thực hiện/tinh	1KS1	3.500	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 3.5000
II	Xây dựng dữ liệu không gian điều tra, đánh giá đất				
1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá đất				

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định biên	Định mức (Công nhóm/ĐVT)	Giải trình nội dung sửa đổi
1.1	Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu	Lớp dữ liệu	1KS3		
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	5.61	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 5.61
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu	Lớp dữ liệu	1KS3		
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	18.70	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 18.70
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian điều tra, đánh giá đất còn thiếu (nếu có)	Lớp dữ liệu	1KS3		
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	2.00	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 2.00
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian điều tra, đánh giá đất	Lớp dữ liệu	1KS3		
	Tỷ lệ 1/100000	Lớp dữ liệu	1KS3	15.90	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định biên	Định mức (Công nhóm/ĐVT)	Giải trình nội dung sửa đổi
					BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 15.900
2	Chuyển đổi dữ liệu không gian điều tra, đánh giá đất				
2.1	Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá đất từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai	Lớp dữ liệu	1KS3	8.50	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 8.500
2.2	Rà soát dữ liệu không gian điều tra, đánh giá đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các vùng kinh tế - xã hội	Lớp dữ liệu	1KS3	9.35	Sử dụng phương pháp so sánh và phân tích nội dung thực hiện giữa Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT (Thông tư quy trình cũ) với Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT (Thông tư quy trình mới) thì đây là nội dung công việc mới. Sau khi sử dụng phương pháp ước lượng so sánh với định mức được quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì Định mức công được tính ra là 9.35